



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP TRONG KỶ NGUYÊN SỐ



NHÀ XUẤT BẢN BÁCH KHOA HÀ NỘI

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA
ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP
TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

NHÀ XUẤT BẢN BÁCH KHOA HÀ NỘI

MỤC LỤC

1. Đổi mới phương pháp dạy học trong kỷ nguyên số: kinh nghiệm từ Việt Nam và các nước Asean	
TS. Phạm Thị Thu Trang, ThS. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	11
2. Hướng tới chuyển đổi số bền vững trong giáo dục đại học: nhìn từ các yếu tố tác động chủ yếu	
ThS. Nguyễn Thị Phương Hoa.....	17
3. Vai trò của đội ngũ giảng viên đối với việc đổi mới phương pháp dạy học trong các trường đại học trước yêu cầu chuyển đổi số hiện nay	
Nguyễn Văn Thắng	25
4. Thời cơ và thách thức trong đổi mới phương pháp giảng dạy tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong thời kỳ chuyển đổi số	
Đinh Hà Vy, Nguyễn Đăng Thành.....	33
5. Mô hình văn hóa số trong trường học Việt Nam: phân tích hệ sinh thái và định hướng phát triển	
Đậu Huy Minh, Lý Bình Nhung	40
6. Chuyển đổi số trong giáo dục ở Việt Nam – giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập trong thời đại công nghệ 4.0	
TS. Phạm Thúy Quỳnh Nga.....	50
7. Giáo dục Hoa Kỳ và gợi ý chính sách cho Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi	
Lương Thị Vân Hà.....	57
8. Kinh nghiệm quốc tế trong đổi mới phương pháp đào tạo công chức hành chính và gợi mở cho Việt Nam	
Trần Văn Khởi, Đậu Thế Tụng, Phan Hải Hồ.....	64
9. Kinh nghiệm đại học số tại Hàn Quốc và hàm ý đổi mới phương pháp giảng dạy tại Việt Nam	
Trần Thanh Thúy	71
10. Phát triển các hệ sinh thái học tập ở trường đại học: kinh nghiệm quốc tế và khả năng áp dụng tại Việt Nam	
Nguyễn Hải Yến.....	79
11. Nâng tầm giáo dục toán học Việt Nam: nghiên cứu so sánh chương trình phổ thông với một số nước tiên tiến	
Nguyễn Văn Dân, Lê Trung Hiếu, Lê Anh Nhật, Nguyễn Tuyết Nga.....	87
12. Nâng cao năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ các cơ quan quản lý giáo dục ở các học viện, trường sĩ quan Quân đội hiện nay	
TS. Đặng Minh Khoa	93
13. Đổi mới đào tạo sinh viên ngành giáo dục tiểu học tại Việt Nam dựa trên kinh nghiệm tham gia chương trình trao đổi quốc tế	
Đặng Thị Thùy Vân, Đỗ Thị Thanh Hương, Lê Thu Thảo, Nguyễn Ngọc Phương Anh, Nguyễn Thị Thu Thảo.....	99

14. Quản lý hoạt động trải nghiệm trong kỷ nguyên mới: bài học từ mô hình Tokkatsu của Nhật Bản cho giáo dục tiểu học Việt Nam Phạm Thị Phân Thu, Lý Bình Nhung.....	107
15. Giải pháp chuyển đổi số nhằm nâng cao kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Bình Dương – Phân hiệu Cà Mau Nguyễn Văn Mạnh.....	119
16. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý giáo dục nhằm nâng cao học tập cá nhân hóa: trường hợp nghiên cứu tại tỉnh Quảng Trị Lê Đức Quang.....	130
17. Vận dụng chu trình PDCA trong quản lý phát triển năng lực số cho giảng viên tiếng Anh tại các trường đại học Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số Vũ Văn Chính	138
18. Phát triển trợ giảng AI dựa trên mô hình ngôn ngữ lớn cho môn Tin học căn bản trình độ trung cấp, cao đẳng Võ Tuyết Ngân, Ngô Thanh Buôi, Phùng Như Nhựt Lâm, Lê Chí Hiếu, Nguyễn Dư Quý	145
19. Nghiên cứu học tập trực tuyến tích hợp AI để cá nhân hóa lộ trình học toán cho học sinh phổ thông Lê Trung Hiếu, Nguyễn Thị Thu Thùy, Nguyễn Đức Thành, Nguyễn Tiến Nam, Nguyễn Văn Dân.....	154
20. Thực trạng ứng dụng AI và công nghệ số trong giảng dạy các môn thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên của giáo viên ở một số trường tiểu học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh Nguyễn Huỳnh Thanh Ngân, Chu Quỳnh Như, Trần Thị Duyên, Nguyễn Yến Minh Thy, Lê Tấn Phúc.....	160
21. Nhu cầu sử dụng học liệu hướng dẫn ứng dụng AI và công nghệ số trong giảng dạy các môn thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên của giáo viên ở một số trường tiểu học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh Đông Ngọc Anh, Chu Quỳnh Như, Trần Thị Duyên, Nguyễn Yến Minh Thy, Lê Tấn Phúc.....	172
22. Học lập trình thông qua ứng dụng Github Education trong môi trường số Lê Minh Hiếu, Nguyễn Thị Thùy Linh, Lương Thái Ngọc	181
23. Ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập của sinh viên năm ba ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Tân Trào ThS. GVC. Nguyễn Thị Nhung, Hoàng Phương Thảo, Vi Mai Hoa, Hoàng Thu Thảo, Phạm Thị Ánh Ngọc, Nguyễn Mạnh Tú	188
24. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học phần Địa lý cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học theo hướng phát triển năng lực Đào Thị Hồng	199
25. Đề xuất giải pháp và thực nghiệm ứng dụng ChatGPT và các công cụ trí tuệ nhân tạo nhằm nâng cao năng lực tiếng Anh cho học sinh lớp 9 tại Trường Phan Chu Trinh, Dĩ An Trương Chấn Sang.....	209
26. Một số giải pháp đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị trong thời đại số hiện nay TS. Nguyễn Thị Hà Thu.....	217
27. Đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập chủ nghĩa Mác – Lênin tại Trường Đại học Thủ Dầu Một trong kỷ nguyên số Nguyễn Thanh Kỳ.....	223

28. Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong đổi mới phương pháp dạy và học các môn lý luận chính trị: phân tích lý luận, thực tiễn và hàm ý giải pháp	
Trần Quang Khánh.....	229
29. Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị trong kỷ nguyên số – thực trạng và giải pháp	
ThS. Nguyễn Thị Hải.....	238
30. Đổi mới phương pháp giáo dục chính trị trong thời đại chuyển đổi số: thực tiễn và định hướng tại Trường Đại học Tân Trào	
Trần Thúy Vân, Nguyễn Minh Thu	245
31. Vận dụng quan điểm triết học Mác – Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân trong giáo dục kỹ năng lãnh đạo cho sinh viên	
TS. Vi Văn Thảo, ThS. Nguyễn Duy Thanh.....	252
32. Giáo dục tư tưởng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp qua nền tảng số – những định hướng đổi mới trong công tác tuyên truyền lịch sử cho thanh niên	
Tạ Bích Huệ.....	260
33. “Không gian học tập sáng tạo” trong công tác giáo dục quốc phòng và an ninh: giao điểm của tri thức, công nghệ và lòng yêu nước	
Nguyễn Văn Phúc, ThS. Nguyễn Bảo Luân, ThS. Đinh Văn Quyên, ThS. Đặng Duy Đồng, Chu Hoài Lâm ...	266
34. Tích hợp giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong đào tạo sinh viên sư phạm ngành Ngữ văn tại Trường Đại học Tân Trào	
Phạm Thị Liên.....	273
35. Nữ giảng viên đại học Việt Nam trong hệ sinh thái học tập đa nền tảng: vai trò đổi mới và thách thức giới	
ThS. Vũ Thị Mai Lương	281
36. Đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập trong môi trường số theo tiếp cận giáo dục bao trùm cho người học yếu thế, người khuyết tật và nhóm vùng khó khăn	
ThS. Nguyễn Ngân Hà, ThS. Lê Thị Lan Anh.....	290
37. Tác động của môi trường học tập số đến mối quan hệ thầy – trò trong dạy học đại học	
ThS. Lê Thị Thu Hà	296
38. Tác động của chuyển đổi số đến nhận thức bình đẳng giới trong gia đình của người dân xã Trung Sơn, tỉnh Tuyên Quang	
Hà Mỹ Hạnh, Hoàng Phạm Kim Oanh	303
39. Tác động hai chiều trong tương tác học tập giữa giảng viên và sinh viên: hướng tiếp cận đổi mới hoạt động giảng dạy đại học tại Khoa Kinh tế – Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Tân Trào	
Nguyễn Thị Kim Ngân, Phạm Thị Thùy Linh	312
40. Từ lớp học truyền thống đến lớp học số – mô hình dạy học kết hợp (Blended Learning) trong giáo dục đại học hiện nay	
Đặng Đình Tiến.....	321
41. Các mô hình lớp học đảo ngược và khả năng thích ứng trong bối cảnh giáo dục đại học tại Việt Nam hiện nay	
Nguyễn Đạt Đạm, Phạm Xuân Lý	327

42. Đổi mới phương pháp giảng dạy đại học với mô hình lớp học đảo ngược: kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam	
Nguyễn Trần Thái Dương	336
43. Ứng dụng mô hình dạy học đảo ngược: trường hợp học phần “dạy học song ngữ môn Toán ở tiểu học” tại Trường Đại học Hùng Vương	
Đỗ Tùng, Phạm Thị Kim Cúc	344
44. Hiệu quả của phương pháp dạy học tình huống trong đào tạo đại học	
Phạm Thị Bách Khoa	353
45. Khung lý luận về quy trình vận dụng phương pháp triết học cho trẻ em (Philosophy For Children – P4C) vào dạy học môn Đạo đức trong bối cảnh thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 tại Việt Nam	
Dương Gia Vĩ, Trần Thanh Dư	361
46. Đề xuất quy trình vận dụng chu trình phản xạ GIBBS vào dạy học nội dung Giáo dục Kỹ năng sống trong môn Đạo đức	
Phạm Lê Thanh Trúc, Đoàn Châu Minh Anh, Nguyễn Ngọc Huyền, Trần Thanh Dư	371
47. Khung lý luận về việc vận dụng lý thuyết phát triển nhận thức của Jean Piaget vào dạy học nội dung Giáo dục Kỹ năng sống trong môn Đạo đức	
Phạm Nguyễn Ánh Tuyết, Trần Thanh Dư	379
48. Xây dựng quy trình dạy học trải nghiệm trong môn Lịch sử và Địa lý ở tiểu học	
Nguyễn Thị Thu Thêm, Trần Thị Thùy Liên, Bùi Quỳnh Giang, Lê Nguyệt Ánh, Hoàng Phương Vy	387
49. Khám phá tiềm năng của Stem/Steam và dạy học trải nghiệm: phát triển tư duy tích hợp và kỹ năng xã hội cho thế hệ mới	
Lê Trung Hiếu, Nguyễn Thanh Sang	396
50. Phát triển năng lực tự học cho sinh viên ngành Toán trong kỷ nguyên số	
Nguyễn Tuyết Nga, Trịnh Đức Anh, Lương Kim Oanh, Lê Thao Thúy, Trần Ngọc Minh	403
51. Nghiên cứu nâng cao năng lực số và trách nhiệm xã hội cho sinh viên các cơ sở giáo dục đại học hiện nay	
ThS. Đào Văn Trường	409
52. Tăng cường năng lực số và tư duy phản biện cho sinh viên ngành Quản lý Văn hóa ở Trường Đại học Tân Trào trong bối cảnh chuyển đổi số	
Nguyễn Thị Thanh Thảo, Trần Vũ Phương, Hoàng Thị Ngọc Hà, Phạm Mạnh Hà	416
53. Phát triển năng lực tư duy phản biện cho sinh viên Đại học Đà Nẵng thông qua dạy học Giáo dục Quốc phòng – An ninh	
Ths. Võ Thị Thu Sương, Nguyễn Văn Hoàng	423
54. Phát triển tư duy biện chứng nhằm hình thành năng lực phản biện cho sinh viên trong thời đại số thông qua giảng dạy Triết học Mác – Lênin	
Phạm Thu Trà	431
55. Hướng dẫn giáo viên mầm non sử dụng công nghệ và chuyển đổi số trong phục vụ công tác chăm sóc – giáo dục trẻ hiệu quả, an toàn	
Nguyễn Thị Thu Hiền	438

56. Phát triển năng lực dạy học tích hợp Steam cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Đại học Đồng Tháp trong bối cảnh chuyển đổi số Nguyễn Thị Thoại Mỹ, Trần Nguyễn Thị Như Mai.....	446
57. Đổi mới phương pháp dạy học học phần “Kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non” trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non Trường Đại học Tân Trào trong bối cảnh chuyển đổi số Nguyễn Thị Vui, Phạm Thị Phương Mai.....	454
58. Tổ chức hoạt động nghe nhạc nhằm bồi dưỡng trí tuệ cảm xúc cho trẻ mầm non trong bối cảnh chuyển đổi số Nguyễn Thảo Mi, Trần Công Anh.....	461
59. Thiết kế trò chơi dạy học chữ cái ứng dụng công nghệ số cho học sinh lớp Một chậm phát triển ngôn ngữ qua Flashcards Phạm Hải Lê, Nguyễn Lư Thảo Vân, Bùi Ngọc Như Trúc, Nguyễn Ngọc Uyên Nhi, Dương Nhật Huyền	469
60. Trò chơi ngôn ngữ trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học: thực tiễn tại tỉnh Tuyên Quang Vũ Thị Minh Tâm, Nguyễn Thị Bảo Ngọc, Trương Thị Minh Khuê, Lê Ngọc Ánh, Triệu Thị Thu	479
61. Ứng dụng Khan Academy trong giảng dạy toán lớp 6: tăng cường sự tự tin trong học tập Lê Anh Nhật, Vũ Thị Hồng Nhung, Phạm Thị Thanh Huyền	485
62. Đổi mới phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông qua khai thác kênh hình sách giáo khoa bằng trí tuệ nhân tạo (áp dụng đối với chương trình lịch sử lớp 9) Phạm Thị Huyền Trang.....	491
63. Vận dụng mô hình TPACK trong thiết kế bài tập thực hành học phần “Cơ sở Tiếng Việt 1” cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học Trần Thùy Linh	501
64. Đổi mới phương pháp và kỹ thuật giảng dạy ngôn ngữ trong bối cảnh toàn cầu hóa: tích hợp yếu tố liên văn hóa Phạm Mạnh Hà, Lý Văn Thành, Cái Thị Lan Hương, Đoàn Thị Phương Lý, Bùi Thị Lan.....	510
65. Tổng quan nghiên cứu về tiềm năng trí tuệ nhân tạo trong dạy học số thập phân nhằm phát triển năng lực tư duy sáng tạo cho học sinh lớp 5 Nguyễn Thị Thu Thùy, Lê Trung Hiếu.....	517

“KHÔNG GIAN HỌC TẬP SÁNG TẠO” TRONG CÔNG TÁC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH: GIAO ĐIỂM CỦA TRI THỨC, CÔNG NGHỆ VÀ LÒNG YÊU NƯỚC

Nguyễn Văn Phúc^{1*}, ThS. Nguyễn Bảo Luân², ThS. Đinh Văn Quyên¹, ThS. Đặng Duy Đồng¹, Chu Hoài Lâm¹

¹Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

²Trường Đại học Tài chính – Marketing

*Email: phucnvan@huit.edu.vn

Tóm tắt

Bối cảnh chuyển đổi số đang định hình lại giáo dục đại học Việt Nam, công tác giáo dục quốc phòng và an ninh cần được tiếp cận trong một “Không gian học tập sáng tạo”, nơi tri thức, công nghệ và lòng yêu nước giao thoa trong quá trình hình thành năng lực “công dân quốc phòng số”. Trên cơ sở phân tích lý luận về “Không gian học tập sáng tạo”, bài viết làm rõ ba trụ cột: 1) Tri thức gắn với đổi mới nội dung, phương pháp và tư duy giáo dục kiến tạo; 2) Công nghệ phản ánh vai trò của chuyển đổi số và học tập tương tác mở; 3) Lòng yêu nước vẫn là giá trị cốt lõi định hướng hành động, nuôi dưỡng bản sắc tinh thần. Từ đó, nghiên cứu đề xuất mô hình “Không gian học tập sáng tạo” trong công tác giáo dục quốc phòng và an ninh với cấu trúc “ba trụ kiến tạo”, đồng thời đề xuất định hướng phát triển: bồi dưỡng năng lực sáng tạo, tích hợp công nghệ số và hình thành văn hóa học tập gắn giá trị yêu nước. Đây là cách tiếp cận mới trong hiện đại hóa công tác giáo dục quốc phòng và an ninh, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: Giáo dục quốc phòng và an ninh; “Không gian học tập sáng tạo”; lòng yêu nước; tri thức; thời đại số.

“INNOVATIVE LEARNING SPACE” IN NATIONAL DEFENSE AND SECURITY EDUCATION WORK: THE INTERSECTION OF KNOWLEDGE, TECHNOLOGY, AND PATRIOTISM

Nguyen Van Phuc^{1*}, ThS. Nguyen Bao Luan², ThS. Dinh Van Quyen¹, ThS. Dang Duy Dong¹, Chu Hoai Lam¹

¹ Ho Chi Minh City University of Industry and Trade

² University of Finance – Marketing

*Email: phucnvan@huit.edu.vn

Abstract

The context of digital transformation is reshaping Vietnamese higher education, requiring national defense and security education work to be approached within an “Innovative Learning Space” where knowledge, technology, and patriotism intersect in shaping “digital defense citizenship”. Based on a theoretical analysis of the concept of an innovative learning space, this article clarifies three foundational pillars: (1) Knowledge linked to the renewal of content, pedagogical methods, and constructive educational thinking; (2) Technology reflecting the significance of digital transformation and open interactive learning; (3) Patriotism as a core value orienting action and nurturing spiritual identity. From this basis, the study proposes a model of the “Innovative Learning Space” for national defense and security education work built upon a “tri-constructive structure”, and sets out key developmental orientations, including the fostering of creative capacities, the integration of digital technologies, and the cultivation of a learning culture grounded in patriotic values. This approach represents a new pathway for modernizing national defense and security education work and contributes to strengthening an all-people national defense posture suited to the demands of the digital era.

Keywords: National defense and security education; “Innovative Learning Space”; patriotism; knowledge; digital era.

1. Mở đầu

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và tiến trình chuyển đổi số (CĐS) quốc gia đang đặt ra yêu cầu mới đối với giáo dục đại học Việt Nam đó là “phát triển nhanh và bền vững”, Đảng ta luôn xác định giáo dục và đào tạo tiếp tục là “quốc sách” hàng đầu, đóng vai trò quyết định trong hình thành thể hệ “công dân toàn cầu có đủ bản lĩnh, trí tuệ và năng lực kiến tạo tương lai”. Nghị quyết 71-NQ/TW đã đặt ra yêu cầu chuyển đổi mạnh mẽ tư duy giáo dục từ giáo dục truyền thống sang giáo dục định hướng phát triển phẩm chất, năng lực đồng thời phát huy tính chủ thể của người học và kiến tạo môi trường học tập hiện đại, năng động, sáng tạo và hội nhập. Bên cạnh đó, dòng chảy CĐS quốc gia và chiến lược CĐS ngành giáo dục đang tái định hình toàn bộ cách thức tổ chức dạy và học, mở ra những không gian học tập mở, linh hoạt và đa chiều.

Trong hệ thống giáo dục đại học, công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) giữ vị trí chiến lược, không chỉ trang bị tri thức và kỹ năng quân sự, quốc phòng, an ninh mà đồng thời góp phần bồi dưỡng phẩm chất, bản lĩnh, tinh thần yêu nước và trách nhiệm công dân. Tuy nhiên, GDQP&AN hiện đang đối diện với một nghịch lý mang tính thời đại: phương pháp huấn luyện vẫn còn mang tính truyền thống chưa tương thích với đặc trưng của thể hệ sinh viên (SV) số – những người học linh hoạt, đề cao tính trải nghiệm, tư duy phản biện và tương tác mở. Điều này dẫn đến yêu cầu bức thiết phải chuyển đổi GDQP&AN từ khuôn mẫu “đào tạo kỷ luật thuần túy” sang mô hình “Không gian học tập sáng tạo”, nơi tri thức, công nghệ và các giá trị được hòa quyện trong một trải nghiệm học tập tích hợp.

Tinh thần này phù hợp với định hướng của Nghị quyết 71-NQ/TW khi nhấn mạnh nhiệm vụ “*Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo*” đồng thời coi người học là trung tâm, là chủ thể của quá trình giáo dục. Bên cạnh đó, theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW: “*đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*” và chiến lược hiện đại hóa giáo dục đại học tiếp tục khẳng định nhu cầu xây dựng không gian học tập thúc đẩy sáng tạo, khơi dậy cảm hứng và hình thành giá trị bền vững của SV trong thời đại số. Từ góc nhìn đó, GDQP&AN không chỉ là học phần mang tính bắt buộc mà là nơi hình thành bản sắc “công dân quốc phòng số”, nơi lòng yêu nước, tri thức quốc phòng và năng lực công nghệ được giao thoa trong một thực tiễn giáo dục đổi mới. Nhận diện sự chuyển đổi này mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng, góp phần thực hiện các định hướng lớn của Đảng về phát triển con người Việt Nam thời đại mới, đồng thời đáp ứng yêu cầu xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, hiện đại trong bối cảnh số hóa nhanh và hội nhập sâu rộng.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai trên nền tảng tiếp cận liên ngành, kết hợp các góc nhìn của khoa học giáo dục và lý luận GDQP&AN nhằm kiến tạo cơ sở khoa học cho mô hình “Không gian học tập sáng tạo”. Trước hết, phương pháp phân tích – tổng hợp tài liệu được sử dụng để hệ thống hóa các quan điểm lý luận về “Không gian học tập sáng tạo” từ UNESCO, OECD, Laurillard, đồng thời đối chiếu với các văn bản quan trọng của Đảng và Nhà nước như Nghị quyết 29-NQ/TW, Nghị quyết 71-NQ/TW, Kết luận 91-KL/TW và Chương trình hành động của Chính phủ. Cách tiếp cận này giúp xác định định hướng đổi mới công tác GDQP&AN trong bối cảnh số hóa và làm rõ yêu cầu phát triển mô hình học tập mới.

Tiếp đó, phương pháp đối sánh được vận dụng để phân tích sự khác biệt giữa mô hình dạy học truyền thống và mô hình học tập sáng tạo. Từ cơ sở này, nghiên cứu nhận diện những điểm tương thích và khoảng trống cần đổi mới trong tổ chức dạy học GDQP&AN hiện nay. Đồng thời, phương pháp mô hình hóa lý luận được sử dụng nhằm khái quát cấu trúc “ba trụ kiến tạo” gồm: “tri thức”, “công nghệ” và “lòng yêu nước” cùng ba lớp không gian vật lý, công nghệ và giá trị của “Không gian học tập sáng tạo”. Việc mô hình hóa cho phép chuyển hóa các luận điểm lý thuyết thành một cấu trúc sơ phạm có tính khái quát và khả thi.

Song song đó, phương pháp phân tích khái niệm và diễn giải được áp dụng để làm rõ nội hàm các thuật ngữ trọng tâm như “Không gian học tập sáng tạo” hay năng lực “công dân quốc phòng số”, bảo đảm sự chính xác và thống nhất về mặt khoa học. Cuối cùng, nghiên cứu sử dụng hệ thống suy luận logic – quy nạp và diễn dịch để kết nối các luận điểm, hình thành mạch lập luận xuyên suốt từ cơ sở lý luận đến đề xuất mô hình và định hướng phát triển.

Nhờ sự kết hợp của các phương pháp trên, nghiên cứu không chỉ lý giải bản chất lý luận của “Không gian học tập sáng tạo”, đồng thời xây dựng được một khung sơ phạm có giá trị ứng dụng trong đổi mới công tác GDQP&AN trong bối cảnh CĐS hiện nay.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. “Không gian học tập sáng tạo”: Cơ sở lý luận và khả năng vận dụng trong GDQP&AN

Theo UNESCO (2015) và OECD (2017), “Không gian học tập” hay “Learning Space” được hiểu như một cấu trúc môi trường nơi người học kiến tạo tri thức thông qua sự tương tác giữa điều kiện vật chất, công nghệ và bối cảnh xã hội. Theo Laurillard (2012), “Learning Space” không chỉ là không gian vật lý của lớp học hay phòng thí nghiệm mà là toàn bộ các điều kiện: từ phương tiện, tương tác, dữ liệu học tập đến bối cảnh xã hội, giúp người học chuyển hóa thông tin thành tri thức và năng lực; “Learning Space” như một thiết kế sư phạm nơi trải nghiệm và tương tác đóng vai trò trung tâm. Trong thời đại số, khái niệm này tiếp tục được mở rộng đồng thời hướng tới những không gian học tập linh hoạt, đa nền tảng, kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, giữa trải nghiệm thực và mô phỏng ảo.

Khi được bổ sung yếu tố “Sáng tạo”, khái niệm “Innovative Learning Sapce” trở thành nền tảng của mô hình giáo dục hiện đại. “Không gian học tập sáng tạo” không chỉ là nơi tiếp nhận tri thức mà là một hệ sinh thái kích thích tư duy khám phá, hợp tác, phản tư và đổi mới sáng tạo. Đặc trưng của không gian này thể hiện ở tính mở, tính linh hoạt, tính tương tác đa chiều và khả năng cá nhân hóa trải nghiệm học tập cho từng SV. Việc xây dựng “Không gian học tập sáng tạo” gắn trực tiếp với tinh thần “phát triển con người toàn diện” mà Nghị quyết 71-NQ/TW và Nghị quyết 29-NQ/TW đã xác định: đó là chuyển từ giáo dục truyền thụ kiến thức sang giáo dục phát triển năng lực, phẩm chất, giá trị và bản lĩnh của SV trong bối cảnh CDS mạnh mẽ.

Một “Không gian học tập sáng tạo” trong giáo dục đại học hiện nay thường được cấu thành từ bốn thành tố: không gian vật lý, không gian công nghệ, không gian xã hội và không gian tư tưởng. Trước hết, không gian vật lý của đại học hiện đại đang chuyển dịch từ lớp học cố định sang các không gian linh hoạt, đa công năng, ưu tiên cho hoạt động nhóm, mô phỏng và thực nghiệm. Tiếp đó, không gian công nghệ trở thành lớp nền không thể tách rời, với sự tham gia của nền tảng học tập trực tuyến, thực tế ảo (VR/AR), trí tuệ nhân tạo (AI), kho học liệu số và các hệ thống dữ liệu phục vụ đánh giá năng lực. Thành tố thứ ba là không gian xã hội, thể hiện ở cách thức SV tương tác với nhau và với giảng viên, hình thành cộng đồng học tập và văn hóa hợp tác trong môi trường đại học. Cuối cùng, không gian tư tưởng tạo nên chiều sâu của hoạt động giáo dục: hệ giá trị, lý tưởng, truyền thống, động lực tinh thần, khát vọng cống hiến và bản sắc văn hóa được thấm thấu vào không gian này, giúp việc học không chỉ dừng ở tri thức mà trở thành quá trình rèn luyện nhân cách và thái độ.

Trong thực tiễn giáo dục quốc tế, các mô hình như “Learning hub”, “Digital campus”, “Maker space” hay “Creative lab” đã chứng minh rằng không gian học tập quyết định cách SV tương tác, cách họ tư duy và năng lực sáng tạo được hình thành như thế nào. Việc chuyển dịch này phù hợp với xu hướng kiến tạo không gian giáo dục như một hệ sinh thái mở, nơi “học để biết – học để làm – học để chung sống – học để làm người” được triển khai một cách linh hoạt, hiệu quả và hiện đại.

Bản chất của GDQP&AN là quá trình hình thành bản lĩnh, trách nhiệm, tinh thần công dân và ý thức bảo vệ Tổ quốc. Các giá trị này không thể được truyền thụ một chiều mà phải được bồi dưỡng thông qua tiếp xúc, suy ngẫm, trải nghiệm tình huống, ... – những phương diện mà “Không gian học tập sáng tạo” có khả năng hiện thực hóa rất tốt so với các mô hình sư phạm truyền thống. Từ góc độ đặc thù của mình, GDQP&AN là một lĩnh vực hội tụ đầy đủ điều kiện để vận dụng lý luận về “Không gian học tập sáng tạo”. GDQP&AN vốn là một môi trường học tập động, đa chiều, là một môn học mang tính tích hợp cao: vừa có tri thức chính trị, pháp luật, vừa có kỹ năng quân sự, quốc phòng, an ninh đồng thời chứa đựng các giá trị đạo đức, văn hóa và lòng yêu nước. Khác với nhiều học phần thuần lý thuyết, GDQP&AN vốn gắn liền với thao trường, huấn luyện, mô phỏng, xử lý tình huống và rèn luyện phẩm chất lẫn thể chất, đây đều là những yếu tố giàu tính trải nghiệm, nền tảng của học tập sáng tạo theo quan điểm kiến tạo. Mặt khác, GDQP&AN trong bối cảnh CDS lại càng có điều kiện mở rộng phạm vi học tập thông qua công nghệ mô phỏng, bản đồ an ninh số, tình huống ảo thực, dữ liệu lớn và các nền tảng học tập tương tác.

Tuy nhiên, khi vận dụng cấu trúc bốn thành tố này vào công tác GDQP&AN, cần có điều chỉnh để phù hợp bản chất đặc thù của môn học. Trong GDQP&AN, các hoạt động huấn luyện, thảo luận tình huống, sinh hoạt tập thể không chỉ tạo ra sự tương tác xã hội mà đồng thời hình thành thái độ, bản lĩnh, lý tưởng và lòng yêu nước cho SV. Điều đó cho thấy “không gian xã hội” và “không gian tư tưởng” không tồn tại và vận hành độc lập, tách biệt nhau mà hòa quyện vào nhau trong quá trình trải nghiệm và nội tâm hóa giá trị đồng thời là sự hợp nhất giữa kinh nghiệm, ý

nghĩa và trách nhiệm công dân. Vì vậy, đối với công tác GDQP&AN, cần điều chỉnh, quy tụ hai không gian trên thành “không gian giá trị”. Không gian này không chỉ phản ánh mối liên kết giữa tương tác xã hội và sự hình thành phẩm chất mà còn thể hiện đặc trưng của công tác GDQP&AN, lĩnh vực mà mỗi trải nghiệm học tập đều gắn với một quá trình hiểu biết, cảm nhận và nhận thức trách nhiệm đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. “Không gian giá trị” là giao điểm giữa “học để biết” và “học để làm người”, tương thích với định hướng đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW: *“Tăng cường giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ, hình thành hệ giá trị con người Việt Nam thời đại mới”*. Cách tiếp cận này cho phép “Không gian học tập sáng tạo” trong công tác GDQP&AN vừa bảo toàn nền tảng lý luận quốc tế đồng thời thích ứng với yêu cầu giáo dục đặc thù của Việt Nam.

Như vậy, việc tiếp cận công tác GDQP&AN từ góc độ “Không gian học tập sáng tạo” không chỉ mang ý nghĩa lý luận mà còn mở ra hướng đi mới cho thực tiễn: chuyển từ dạy học huấn luyện truyền thống sang mô hình khơi dậy tư duy, trải nghiệm và giá trị, từ đó hình thành thể hệ “công dân quốc phòng số”.

3.2. Mô hình “Không gian học tập sáng tạo” trong công tác GDQP&AN: Cấu trúc, động lực và cơ chế vận hành

Việc tiếp cận công tác GDQP&AN dưới góc độ “Không gian học tập sáng tạo” đặt ra yêu cầu xây dựng một mô hình lý luận đủ sức mô tả tính phức hợp, đa tầng và liên ngành của môn học trong bối cảnh CDS. Khác với mô hình lớp học quân sự truyền thống vốn tập trung vào huấn luyện kỹ năng và tính kỷ luật, mô hình “Không gian học tập sáng tạo” trong công tác GDQP&AN được cấu thành như một hệ sinh thái mở, nơi tri thức, công nghệ và các giá trị được kết nối theo logic kiến tạo, trải nghiệm, phản tư và hành động.

Trung tâm của mô hình này là “ba trụ kiến tạo” gồm “tri thức”, “công nghệ” và “lòng yêu nước”, được tổ chức trong một cấu trúc thống nhất. Ba trụ này không phải những yếu tố đặt cạnh nhau, mà là ba chiều kích của một cùng một bản chất: phát triển SV thành “công dân quốc phòng số”. “Tri thức” tạo khung nhận thức; “công nghệ” tạo phương thức trải nghiệm; “lòng yêu nước” định hướng giá trị và động lực. Khi tương tác, chúng tạo nên một không gian học tập mà trong đó SV vừa khám phá thực tiễn QPAN vừa tự kiến tạo bản sắc và trách nhiệm của mình.

Từ góc độ cấu trúc, mô hình “Không gian học tập sáng tạo” trong công tác GDQP&AN được kiến thiết trên ba thành tố cơ bản: không gian vật lý, không gian công nghệ và không gian giá trị. Không gian vật lý là tổ chức của thao trường, bãi tập, khu huấn luyện, nơi SV thực hiện các hoạt động học tập, công tác huấn luyện. Không gian công nghệ là lớp số hóa gồm nền tảng mô phỏng 3D, tình huống ảo, thực tế tăng cường, học tập tương tác và các hệ thống dữ liệu an ninh; lớp này tạo điều kiện chuyển các tình huống phức tạp thành hoạt động học tập có thể thao tác. Cuối cùng, không gian giá trị bao gồm thái độ, bản lĩnh, lý tưởng, lòng yêu nước, ý thức trách nhiệm, chủ quyền, bản sắc văn hóa tinh thần, phẩm chất công dân và tư duy phản biện; đây là chiều sâu giúp công tác GDQP&AN vượt lên trên phạm vi môn học để trở thành một quá trình hình thành nhân cách.

Trong sự kết hợp đó, mô hình “Không gian học tập sáng tạo” trong công tác GDQP&AN vận hành theo chu trình sự phạm kiến tạo và trải gồm bốn giai đoạn. Giai đoạn nhận thức ban đầu là khi SV tiếp cận tri thức nền tảng qua các tình huống, câu chuyện lịch sử,... Giai đoạn trải nghiệm, mô phỏng cho phép SV nhập vai, xử lý tình huống hoặc tham gia mô hình diễn tập ảo. Giai đoạn phản tư, phân tích tạo cơ hội để SV đánh giá, tự đánh giá, thảo luận đa chiều hoặc so sánh các phương án hành động. Cuối cùng, giai đoạn khái quát, ứng dụng giúp SV tái cấu trúc tri thức, liên hệ thực tiễn và hình thành thái độ, trách nhiệm công dân.

Việc xây dựng mô hình “Không gian học tập sáng tạo” trong công tác GDQP&AN còn đòi hỏi một cơ chế vận hành mang tính hệ thống. Trong đó, giảng viên giữ vai trò “kiến tạo môi trường” thay vì chỉ truyền đạt nội dung; giảng viên thiết kế nhiệm vụ học tập, quản lý dữ liệu, lựa chọn kịch bản mô phỏng và dẫn dắt quá trình phản tư. Người học trở thành chủ thể trung tâm: tự tìm hiểu, thử nghiệm, hợp tác, tranh luận, tự ra quyết định trong các tình huống liên ngành. Các yếu tố hỗ trợ như cơ sở vật chất, nền tảng số, tài nguyên mô phỏng, học liệu đa phương tiện và hệ thống đánh giá năng lực góp phần tạo ra tính liên tục và nhất quán của mô hình.

Một điểm đặc biệt của mô hình này là khả năng dung hòa giữa tính kỷ luật và tính sáng tạo, phản tư, vốn được xem là hai mặt đối lập trong giáo dục quân sự truyền thống. “Không gian học tập sáng tạo” không phá vỡ tính kỷ luật mà chuyển hóa nó thành khuôn khổ để tính sáng tạo diễn ra có định hướng. Tính kỷ luật tạo sự nhất quán; tính sáng tạo tạo sự linh hoạt; cả hai giao thoa để hình thành phẩm chất năng lực cho SV. Đây cũng chính là tinh thần mà công

tác GDQP&AN thời đại số cần đạt tới: giữ nguyên bản sắc kỷ luật quân sự nhưng nâng tầm nó bằng tư duy khoa học, công nghệ và giá trị.

Với cấu trúc và cơ chế vận hành như vậy, mô hình “Không gian học tập sáng tạo” trong công tác GDQP&AN thể hiện rõ vai trò của nó như một công cụ lý luận sư phạm nhằm hiện thực hóa yêu cầu của Đảng về phát triển con người Việt Nam toàn diện. Mô hình không chỉ đổi mới phương pháp dạy học mà còn tái định nghĩa nhiệm vụ của môn học GDQP&AN: không dừng lại ở truyền thụ tri thức mà tạo ra môi trường kiến tạo bản lĩnh, phẩm chất và năng lực của “công dân quốc phòng số” trong kỷ nguyên mới.

3.3. *Giao điểm của tri thức, công nghệ và lòng yêu nước trong công tác GDQP&AN*

Sự hình thành “Không gian học tập sáng tạo” trong công tác GDQP&AN không thể tách rời ba thành tố cốt lõi: tri thức, công nghệ và lòng yêu nước. Ba yếu tố này không tồn tại độc lập mà vận hành như một “giao điểm giá trị – tri thức – hành động”, nơi SV không chỉ tiếp nhận thông tin mà còn kiến tạo bản sắc, năng lực và trách nhiệm quốc phòng trong bối cảnh CDS.

Trước hết, “tri thức” trong công tác GDQP&AN hiện nay đã mở rộng đáng kể so với phạm vi truyền thống. Không chỉ bao gồm tri thức liên quan đến các vấn đề quân sự, tổ chức quốc phòng, an ninh truyền thống và phi truyền thống hay chủ quyền lãnh thổ, nội dung GDQP&AN còn tích hợp tri thức mới về an ninh mạng, và định hướng cho SV về tác chiến trên không gian số, xung đột hỗn hợp, tâm lý xã hội trong chiến tranh hiện đại. Theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW “*Đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế; tích hợp nội dung về phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, tinh thần doanh nhân và khởi nghiệp. Hỗ trợ mở rộng triển khai các chương trình đào tạo tài năng, đào tạo sau đại học gắn kết với nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo trong các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ, nhất là công nghệ chiến lược, công nghệ ưu tiên của công nghiệp 4.0, các ngành phục vụ các dự án trọng điểm quốc gia. Gắn kết các hoạt động đào tạo với nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia*”, “tri thức” trong công tác GDQP&AN cần được tiếp cận như tri thức liên ngành, xuyên ngành, hướng đến phát triển phẩm chất, năng lực phân tích và năng lực tư duy của SV. Tri thức đó không chỉ nhằm hiểu “cái gì đang diễn ra”, mà nhằm trả lời câu hỏi “vì sao và bằng cách nào SV có thể hành động đúng đắn trong bối cảnh quốc phòng an ninh của thời đại số”.

Bên cạnh “tri thức” thì “công nghệ” giữ vai trò như “chất xúc tác” quan trọng trong quá trình đổi mới công tác GDQP&AN và xây dựng “Không gian học tập sáng tạo”. Công nghệ không chỉ là phương tiện giảng dạy mà là môi trường mô phỏng, tương tác và khám phá; nơi các tình huống phức hợp có thể được biểu đạt bằng các mô hình trực quan, tình huống giả lập,... Việc tích hợp VR/AR, AI, học tập tương tác, bản đồ dữ liệu an ninh hay các mô hình mô phỏng tác chiến tạo ra một lớp học mới, nơi “trải nghiệm sáng tạo” trở thành phương pháp sư phạm cốt lõi. Cách tiếp cận này phù hợp với xu hướng quốc tế trong GDQP&AN, đồng thời hiện thực hóa mục tiêu của CDS theo Chiến lược CDS ngành GD&ĐT, trong đó nhấn mạnh yêu cầu phát triển các hệ sinh thái học tập số và các không gian giảng dạy mới.

Tuy nhiên, chính “lòng yêu nước” mới là thành tố luận lý sâu nhất tạo nên đặc thù của công tác GDQP&AN. Lòng yêu nước không được giảng dạy như một khái niệm trừu tượng mà được hình thành qua trải nghiệm, qua nhận thức về chủ quyền, qua các tình huống mô phỏng liên quan đến an ninh quốc gia và qua quá trình nhập vai người công dân trong các kịch bản bảo vệ Tổ quốc. Giá trị này trở thành “động lực nội tại” khiến SV hiểu rằng “tri thức” và “công nghệ” chỉ thật sự có ý nghĩa khi gắn với trách nhiệm, bản lĩnh và tinh thần cống hiến. Đây là biểu hiện rõ nét của một định hướng giáo dục về xây dựng con người Việt Nam thời đại mới.

Ba thành tố “tri thức”, “công nghệ” và “lòng yêu nước” giao thoa với nhau trong công tác GDQP&AN theo những cách thức tạo nên giá trị riêng của môn học. “Tri thức” về QPAN giúp SV liên hệ được các dữ liệu, tình huống và mô hình mô phỏng; “công nghệ” cung cấp các công cụ để “tri thức” trở nên sống động, thực nghiệm và cá nhân hóa; còn “lòng yêu nước” định hướng các hoạt động trải nghiệm vào mục tiêu hình thành bản lĩnh, ý thức và trách nhiệm công dân. Khi giao nhau, ba thành tố này tạo nên một môi trường học tập đa chiều, nơi SV không chỉ học để biết mà học để hành động, để tự hoàn thiện và để cống hiến.

Ở cấp độ sâu hơn, giao điểm giữa tri thức, công nghệ và lòng yêu nước còn là nơi hình thành “công dân quốc phòng số”: người có tri thức thời đại, năng lực công nghệ, bản lĩnh chính trị, tư tưởng và phẩm chất yêu nước. Đây

chính là yêu cầu cốt lõi của chiến lược phát triển GDQP&AN trong giai đoạn mới, đồng thời là mục tiêu mà “Không gian học tập sáng tạo” có khả năng hiện thực hóa hiệu quả hơn so với mô hình giáo dục truyền thống.

3.4. Định hướng phát triển và khuyến nghị triển khai mô hình “Không gian học tập sáng tạo” trong công tác GDQP&AN

Việc kiến tạo “Không gian học tập sáng tạo” trong công tác GDQP&AN không chỉ là đổi mới phương pháp giảng dạy đồng thời là hướng đi chiến lược nhằm nâng cấp toàn bộ hệ sinh thái GDQP&AN phù hợp với yêu cầu phát triển con người Việt Nam trong thời đại số. Định hướng phát triển mô hình này cần được đặt trong bối cảnh sâu rộng hơn của chiến lược CDS ngành giáo dục, chiến lược QPAN quốc gia và tư duy giáo dục mở mà Đảng và Nhà nước đã xác lập trong các nghị quyết trung ương. Điều đó đòi hỏi việc triển khai không thể chỉ dựa vào cải tiến kỹ thuật, mà phải dựa vào tư duy hệ thống, chính sách đồng bộ và tầm nhìn dài hạn.

Trước hết, cần xác định phát triển “Không gian học tập sáng tạo” trong công tác GDQP&AN là một nhiệm vụ gắn liền với hiện đại hóa phương pháp giáo dục. Các trường đại học nên chuyển từ mô hình dạy và học dựa trên truyền đạt truyền thống sang mô hình dựa trên thiết kế trải nghiệm học tập, trong đó giảng viên GDQP&AN đóng vai trò kiến trúc sư của môi trường học tập, người tạo dựng nhiệm vụ, kịch bản và tình huống có tính khoa học, công nghệ cao. Sự chuyển đổi này đòi hỏi phát triển năng lực sư phạm số và năng lực thiết kế học tập cho đội ngũ giảng viên, bảo đảm làm chủ các phương tiện mô phỏng, nền tảng số, học liệu đa phương tiện và kỹ thuật xây dựng tình huống.

Bên cạnh đó, để mô hình “Không gian học tập sáng tạo” vận hành hiệu quả, cần đầu tư có trọng điểm vào hạ tầng số và không gian vật lý linh hoạt. Những phòng học tích hợp công nghệ, studio mô phỏng, thảo luận ảo,... phải được phát triển như các thành tố không thể tách rời trong công tác GDQP&AN hiện đại. Không phải sự bổ sung ngoại lai, đây là hạ tầng thiết yếu để chuyển các nội dung GDQP&AN vốn phức hợp thành các trải nghiệm học tập giàu tính trực quan. Đầu tư này cần được tiến hành theo hướng đồng bộ, tránh manh mún; xây dựng chuẩn đầu ra về hạ tầng để bảo đảm sự bình đẳng trong điều kiện học tập giữa các cơ sở giáo dục.

Một định hướng quan trọng khác là phát triển hệ sinh thái học liệu, trong đó học liệu số, bộ tình huống mô phỏng, trò chơi mô phỏng và các module thực tế ảo trở thành tài nguyên mở, được chia sẻ giữa các trường đại học và hệ thống GDQP&AN. Học liệu cần được xây dựng theo nguyên tắc động, liên tục được cập nhật theo biến đổi của môi trường an ninh khu vực và thế giới, đáp ứng yêu cầu giáo dục “công dân quốc phòng số”. Đây là hướng triển khai hiện thực hóa tầm nhìn “mở rộng không gian học tập” theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW: “*Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo phải bắt đầu từ đổi mới tư duy, nhận thức và thể chế. Tạo đột phá về nguồn lực, động lực và không gian mới cho phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng*”.

Ở tầng sâu hơn, việc phát triển mô hình “Không gian học tập sáng tạo” trong công tác GDQP&AN cần được định vị như một chiến lược nuôi dưỡng lòng yêu nước của thế hệ bằng phương pháp hiện đại. Các hình thức trải nghiệm, mô phỏng, nhập vai và phân tư không chỉ có chức năng truyền đạt kiến thức, mà còn tạo động lực sâu sắc để SV kết nối tri thức với giá trị, cảm xúc với trách nhiệm, lý luận với hành động. Đây là sự tiếp cận mới về giáo dục lòng yêu nước, một sự chuyển đổi từ tuyên truyền sang thẩm thấu giá trị thông qua trải nghiệm. Khi SV trực tiếp xử lý tình huống mô phỏng về chủ quyền, an ninh mạng hoặc an toàn thông tin, từ đây hình thành sự thấu hiểu từ bên trong, chứ không chỉ qua nhận thức lý thuyết. Điều này tạo nên chiều sâu giá trị mà các mô hình giảng dạy truyền thống khó có thể đạt tới.

Cuối cùng, để duy trì động lực phát triển “Không gian học tập sáng tạo” trong công tác GDQP&AN, cần thiết lập một cơ chế đánh giá mới dựa trên năng lực, trải nghiệm và sáng tạo của SV. Các tiêu chí đánh giá không nên dừng ở mức độ tái hiện tri thức đồng thời phải ghi nhận khả năng phân tích tình huống, ra quyết định, hợp tác nhóm, vận dụng công nghệ và biểu đạt giá trị đạo đức công dân trong các tình huống QPAN. Hệ thống đánh giá này giúp liên kết toàn bộ mô hình lại với nhau và bảo đảm sự hướng đích vào phát triển “công dân quốc phòng số”.

Như vậy, mô hình “Không gian học tập sáng tạo” trong công tác GDQP&AN chỉ có thể phát huy trọn vẹn giá trị khi được triển khai như một chiến lược tổng thể, gắn đầu tư hạ tầng với đổi mới phương pháp, nâng cao năng lực giảng viên với phát triển học liệu và đặc biệt là thống nhất giữa tri thức, công nghệ và lòng yêu nước trong một cấu trúc giáo dục hiện đại. Đây là con đường để công tác GDQP&AN không chỉ thích ứng với thời đại số mà còn trở thành một điểm tựa bền vững cho chiến lược phát triển nguồn nhân lực và củng cố nền quốc phòng toàn dân trong kỷ nguyên mới.

4. Kết luận

Việc tiếp cận công tác GDQP&AN trong một “Không gian học tập sáng tạo” cho thấy một hướng tiếp cận mới, vừa phù hợp với xu thế quốc tế của khoa học giáo dục, vừa đáp ứng tinh thần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo các nghị quyết của Đảng. Thay vì chỉ xem GDQP&AN là lĩnh vực huấn luyện kỹ năng quân sự, QPAN mang tính kỷ luật cao, nghiên cứu này khẳng định bản chất sâu hơn của môn học là quá trình hình thành tri thức, năng lực, giá trị và bản lĩnh công dân trong bối cảnh CDS. Chính tại giao điểm của tri thức, công nghệ và lòng yêu nước, GDQP&AN có thể trở thành một không gian giáo dục giàu tính trải nghiệm, phản tư và sáng tạo; qua đó nuôi dưỡng tư duy chiến lược, năng lực hành động và tinh thần trách nhiệm đối với Tổ quốc của thế hệ trẻ.

“Không gian học tập sáng tạo” trong công tác GDQP&AN được đề xuất ở bài viết này không chỉ là sự tổng hợp các yếu tố vật chất – công nghệ – xã hội của môi trường học tập hiện đại, mà còn là khung lý luận định vị lại vai trò của GDQP&AN trong giáo dục đại học. Mô hình này cho phép chuyển đổi cách thức tổ chức dạy học theo hướng cá nhân hóa, linh hoạt hóa và số hóa, giúp SV tiếp cận nội dung GDQP&AN bằng phương pháp trực quan, mô phỏng và nhập vai, đây là những phương pháp có khả năng kích hoạt năng lực sáng tạo, tư duy phản biện và khả năng ra quyết định trong bối cảnh phức hợp của an ninh hiện đại. Đồng thời, “Không gian học tập sáng tạo” tạo ra chiều sâu giá trị giúp lòng yêu nước được hình thành thông qua trải nghiệm và nội tâm hóa, thay vì chỉ được truyền đạt bằng lý thuyết.

Những định hướng phát triển được phân tích cho thấy việc triển khai mô hình này đòi hỏi một tiếp cận mang tính hệ thống: đầu tư đồng bộ hạ tầng số và không gian linh hoạt; phát triển năng lực thiết kế học tập cho giảng viên; xây dựng hệ sinh thái học liệu mở và thiết lập cơ chế đánh giá năng lực phù hợp với bản chất kiến tạo, trải nghiệm của mô hình. Đó không chỉ là những giải pháp kỹ thuật mà còn là bước đi chiến lược nhằm hiện thực hóa mục tiêu xây dựng “công dân quốc phòng số”, những người có tri thức hiện đại, năng lực công nghệ và bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Như vậy, bài viết khẳng định rằng việc kiến tạo “Không gian học tập sáng tạo” trong công tác GDQP&AN không chỉ là cơ hội đổi mới phương pháp giảng dạy, mà còn góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân từ gốc rễ, bắt đầu từ giáo dục người trẻ. Đây là hướng nghiên cứu và triển khai có tiềm năng lớn, cần tiếp tục được phát triển sâu hơn ở cấp độ mô hình hóa, thử nghiệm thực tiễn và đánh giá tác động, nhằm xây dựng một nền GDQP&AN hiện đại, nhân văn và phù hợp với thời đại số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Chính trị. (2024). *Kết luận của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*.
- [2] Bộ Chính trị. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [3] Bộ Chính trị. (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). *Triển khai thực hiện Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 – 2035 và định hướng tới năm 2045*.
- [5] Chính phủ. (2024). *Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- [6] Chính phủ. (2025). *Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- [7] Laurillard, D. (2012). *Teaching as a design science: Building pedagogical patterns for learning and technology*. Routledge.
- [8] OECD. (2013). *The nature of learning: Using research to inspire practice*. OECD Publishing.
- [9] OECD. (2017). *The OECD learning compass 2030*. OECD Publishing.
- [10] UNESCO. (2015). *Rethinking education: Towards a global common good?* UNESCO Publishing.

<https://nxbbachkhoa.vn>

Giám đốc – Tổng biên tập: PGS. TS. BÙI ĐỨC HÙNG

Thiết kế bì: DƯƠNG HOÀNG ANH

Nộp lưu chiều năm 2026.

**HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA
ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP
TRONG KỶ NGUYÊN SỐ**

ISBN: 978-632-609-851-5



SÁCH KHÔNG BÁN